

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-PT
Ngày: 28-5-2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng
giao khoán đất rừng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Anh

Bà Phạm Thị Hương Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số: 49/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng giao khoán đất rừng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/TDS-ST, ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Xuân Tr, sinh năm 1963. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Điều trú tại: Khu 3, thị trấn B, huyện B, Quảng Ninh; Ông Tr vắng mặt tại phiên tòa, bà Th có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B. Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị H- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Tr1- Phó tổng giám đốc. Địa chỉ: Khu 5, thị trấn B, huyện B, Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Các ông Hồ A Nh, Hồ A S, đều trú tại: thôn N, xã N, huyện B, Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lý Xuân Tr, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 24/01/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Năm 2002, gia đình bà được Lâm Trường B (Nay là Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp B) giao khoán 9,1 ha gồm các lô: h2, h3, d2, i1 - Khoảnh 12 - Tiểu khu 120 tại xã N, huyện B, Quảng

Ninh, với thời hạn là 30 năm kể từ ngày 20/02/2002. Hình thức giao khoán theo nghị định 01/CP. Diện tích đất này gia đình bà được Lâm Trường B giao để bảo vệ rừng và cây xa mộc từ năm 1998 theo đúng ranh giới, mốc giới tại thực địa do đội thiết kế lâm trường chỉ. Từ khi giao khoán đến nay Công ty lâm nghiệp B không thực hiện một cam kết nào trong hợp đồng giao khoán. Từ năm 2002 đến năm 2008, Công ty lâm nghiệp không thu bất kể tiền gì của gia đình bà. Từ năm 2010 đến 2014, mỗi vụ khai thác keo giấy phải nộp cho Công ty lâm nghiệp 3 triệu đồng/ha. Từ năm 2014 đến nay, mỗi vụ khai thác gia đình bà phải nộp từ 5 đến 7 triệu/ha. Từ khi nhận ranh giới, diện tích rừng để bảo vệ (năm 1998) cho đến khi được hợp đồng giao khoán đất rừng để sản xuất (năm 2002) thì gia đình bà sử dụng đúng ranh giới được chỉ, không lấn chiếm của ai, cho đến năm 2013 thì Công ty lâm nghiệp B làm lại ranh giới theo bản đồ vẽ lại cho gia đình ông Hồ A T vượt qua điểm yên ngựa cũ khoảng 0,8ha của gia đình bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Lâm trường B (nay là Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp B) có trách nhiệm:

1. Phải trả cho gia đình bà diện tích 0,8ha đất rừng thuộc lô H2, K12, TK 120.

2. Phải trả lại cho bà số tiền 12.169.000đ tại phiếu thu số 04 ngày 28/9/2015.

3. Đối với diện tích 0,3ha thuộc lô H3, K12, TK 120 theo đơn khởi kiện, do tại phiên tòa đã thỏa thuận được với Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp B nên phiên tòa sơ thẩm bà đề nghị HĐXX cho bà xin rút nội dung khởi kiện này đối với công ty.

4. Đối với diện tích 850m² đất tại lô 11h3, K12, TK 120 phải thực hiện theo văn bản số 282/UBND–TD ngày 16/01/2007 UBND tỉnh Quảng Ninh, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 22 tháng 3 năm 2018 và lời trình bày tại phiên tòa của bị đơn bà Bùi Thị H đại diện cho Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp B: Việc thỏa thuận ký hợp đồng giao khoán sử dụng đất rừng cho các hộ gia đình công nhân trong đó có hộ ông Lý Xuân Tr và vợ là Nguyễn Thị Th được giao khoán 9,1ha đúng như bà Th trình bày. Đối với những nội dung bà Th khởi kiện yêu cầu công ty giải quyết thì công ty đã giải quyết nhiều lần, vì vậy công ty không chấp nhận những yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th với công ty mà công ty vẫn bảo lưu Báo cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo của Sở NN và PTNT Quảng Ninh số 1693/BC-NN&PTNT ngày 09/6/2016 mà công ty đã cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện công ty và ông Hồ A Nh tự thỏa thuận với nhau về diện tích 0,3 ha theo như nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Th, ông Hồ A Nh đã tự nguyện trả lại toàn bộ diện tích 0,3ha (và tài sản trên đất) được giao khoán cho công ty nên công ty sẽ giao lại diện tích đất và tài sản trên đất này cho bà Th sử dụng sau khi phiên tòa kết thúc.

* Ông Hồ A Nh- người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai: năm 1997 vợ tôi có phát số diện tích 0,3 ha giáp ranh với đất của Lâm trường B để trồng quế, lúc đó chưa giao đất giao rừng. Năm 2013 quế đủ tuổi khai thác thì bà Th yêu

cầu gia đình tôi khai thác quế trả lại đất cho bà, vì nghĩ là đất của lâm trường giao cho bà Th nên tôi có giấy viết tay cam kết trả lại đất cho bà Th sau khi khai thác quế. Khai thác xong do lâm trường trả lời không phải đất của bà Th nên tôi làm đơn xin lâm trường giao khoán để trồng tiếp và được lâm trường đồng ý giao khoán tiếp để gia đình tôi trồng keo với số lượng khoảng 1500 cây keo giống vào năm 2015. Tại bản khai ngày 09/4/2018 tôi có đề nghị nếu Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp B không giao khoán cho gia đình tôi nữa thì để tôi khai thác xong keo gia đình tôi sẽ trả lại đất cho Công ty. Tại phiên tòa sơ thẩm tôi thay đổi ý kiến và tự nguyện trả toàn bộ diện tích 0,3ha đất rừng (gồm cả tài sản trên đất) tại lô H3-K12-TK120 theo quyết định số 14/QĐCT ngày 08/4/2015 của công ty cho Công ty toàn quyền quyết định. Tôi cam đoan không có khiếu nại gì.

* Ông Hồ A S (đại diện cho ông Hồ A T) khai: Năm 2001 bố tôi là ông Hồ A T được UBND huyện Ba Chẽ giao 18,80ha đất rừng tại lô d1,11, TK 120 (có giấy CNQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ cấp ngày 18/12/2001). Năm 2004 bố tôi mất gia đình tôi thống nhất để tôi quản lý và sử dụng. Trong quá trình sử dụng trồng cây, khi kiểm tra tôi thấy hộ gia đình ông Trường, bà Thtrông lấn sang đất nhà tôi, năm 2013 tôi có làm đơn đề nghị Công ty lâm nghiệp Ba Chẽ và địa chính xã Nam Sơn đến hiện trường để xác định rõ ranh giới đất của tôi và công ty lâm nghiệp B. Kết quả gia đình ông bà Th- Tr đã lấn sang đất nhà tôi khoảng 0,8 đến 1 ha. Tại phiên tòa sơ thẩm tôi vẫn khẳng định diện tích đất bà Th yêu cầu Công ty Lâm Nghiệp B trả lại cho bà là đất nằm trong sổ đỏ nhà tôi đã được nhà nước giao để sử dụng từ năm 2001 đến nay.

* Người làm chứng Đoàn Đức T khai: Năm 2001 trở về trước là cán bộ kỹ thuật của công ty Lâm nghiệp B, tôi có được tham gia cùng đoàn công tác đi giao rừng và xác định ranh giới phần đất lâm nghiệp tách trả cho huyện Ba Chẽ quản lý. Đến năm 2002, Công ty lâm nghiệp có giao khoán cho các hộ dân và công nhân trong công ty, trong đó có giao khoán cho gia đình ông Lý Xuân Tr. Diện tích giao khoán cho gia đình ông Tr bà Th. Tôi cam đoan là không giao vào phần đất 0,8ha của gia đình ông Hồ A T quản lý như bà Th yêu cầu Công ty trả lại.

* Biên bản làm việc về việc giải quyết làm rõ ranh giới giữa hai hộ gia đình tại UBND xã N ngày 06/5/2013 và báo cáo số 1693/BC-NN&PTNT về kết quả xác minh nội dung tố cáo ngày 09/6/2016 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn đều thể hiện diện tích đất 0,8 ha tại lô H2-K12-TK120 là đất thuộc huyện Ba Chẽ quản lý (đã giao cho hộ ông Hồ A T năm 2001) không phải đất của công ty lâm nghiệp.

* Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/10/2018 của cơ quan chuyên môn (Phòng TN&MT huyện B) cũng chỉ rõ diện tích đất rừng 0,8 ha mà bà Th yêu cầu công ty TNHH 1 thành viên Lâm nghiệp B trả lại cho bà không nằm trong đất giao khoán của công ty mà là đất đã cấp cho hộ ông Hồ A T năm 2001 (có biên bản, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ kèm theo).

Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ đã tiến hành hòa giải đề các đương sự thỏa

thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, xử: Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Xuân Tr (bà Nguyễn Thị Th vợ ông Lý Xuân Tr là đại diện theo ủy quyền), yêu cầu Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp B trả lại: 0,8ha đất rừng thuộc diện tích của lô H2 – K12 – TK120 mà ngày 06/5/2013 đã đi làm lại ranh giới và số tiền 12.169.000đ đã thu khi bán keo giấy (trừ tiền thuế đất) trong phiếu thu số 04 ngày 28/9/2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 2.208.000đ, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Th đã nộp 1.404.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0001177 ngày 30/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh nay bà Th còn phải nộp tiếp 804.000đ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Ngày 27/11/2018, ông Tr, bà Th kháng cáo yêu cầu:

1. Phải trả cho gia đình ông diện tích 0,8ha đất rừng thuộc lô H2, D2, K12, TK 120.

2. Phải trả lại cho ông số tiền 12.169.000đ, tại phiếu thu số 04 ngày 28/9/2015.

3. Trả 0,3ha lô H3, K12, TK120 do UBND huyện Ba Chẽ cấp chồng lấn cho ông Hồ A Nh.

4. Diện tích 850m² thuộc lô i1, h3, k12, TK120 phải thực hiện theo văn bản số 282/UBND-TD ngày 16/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 285, Điều 286, Điều 294 BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm. Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, 73 Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà Th kháng cáo về hai nội dung Tòa án không giải quyết, thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi HĐXX hỏi, đại diện Công ty TNHH MTV

Lâm trường B khẳng định:

+ Ngay sau khi kết thúc phiên tòa sẽ làm thủ tục giao 0,3ha rừng hiện đang do gia đình anh Hồ Nh quản lý sang cho gia đình ông Tr. Bà Th (đại diện nguyên đơn) trình bày quan điểm rút yêu cầu khởi kiện này. Xét thấy việc bà Th rút yêu cầu này là tự nguyện nên bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp với quyền định đoạt của đương sự tại Điều 5 BLTTDS. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại quyết định đình chỉ yêu cầu này trong phần Nhận định của bản án là không đảm bảo về hình thức, lẽ ra cần phải nêu rõ tại phần tuyên án mới đảm bảo. Thiếu sót này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong vụ án sau.

+ Đối với yêu cầu lâm trường bàn giao 850m² đất rừng tại Lô il, h3, K12, TK 120 theo văn bản số 282 ngày 16/1/2007 của ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét thấy: Văn bản số 282 ngày 16/1/2007 nêu trên là kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của cấp có thẩm quyền theo trình tự quản lý hành chính Nhà nước mà Công ty TNHH MTV Lâm trường B phải chấp hành. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Th nêu yêu cầu khởi kiện nhưng không yêu cầu giải quyết, cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, nên cấp phúc thẩm không giải quyết nội dung kháng cáo này.

Về 2 yêu cầu được Tòa án giải quyết thấy:

+ Đối với yêu cầu Công ty bàn giao 0,8ha đất hiện đang do gia đình ông Hồ A S quản lý: Quá trình cấp sơ thẩm giải quyết không tiến hành thẩm định diện tích đất tranh chấp. Cấp phúc thẩm đã khắc phục tiến hành thẩm định theo ranh giới do bà Th chỉ, tại Biên bản thẩm định ngày 20/4/2019 đã xác định diện tích bà Th đang tranh chấp khi đo đạc thủ công là 1,420ha, khi đo đạc tọa độ xác định là 1,68ha. Diện tích đất này nằm ngoài phần đất đã giao cho gia đình bà Th, ông Tr và kết quả thẩm định hoàn toàn nằm ngoài phần đất bà Th, ông Tr được khoán. Hơn nữa, diện tích đất bà Th quản lý sử dụng theo sơ đồ thẩm định là 9,67ha, tăng thêm so với diện tích được khoán theo hợp đồng là 0,57ha. Nên bà Th cho rằng phần đất 1,68ha thuộc quyền sử dụng của bà theo hợp đồng là không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Th.

+ Đối với yêu cầu trả lại tiền thu 12.169.000 đồng cũng không có căn cứ chấp nhận, vì: Công ty đã thu số tiền trên bao gồm các khoản: Tiền thuế đất là 3.662.271đồng, nộp sản phẩm nhận khoán quy tiền của 2,83ha khai thác là 6.084.500 đồng; chi phí quản lý, lập hồ sơ dự toán 2.422.229đồng. Việc thu tiền này phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 20, Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính Phủ và phù hợp với nội dung giao kết trong hợp đồng nhận khoán. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này.

Tuy nhiên, bản án có sai sót đó là: Không xác định bà Th là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vì Công ty giao đất cho hộ gia đình và ông Tr là đại diện chủ hộ; không tuyên đình chỉ yêu cầu đương sự rút tại phiên tòa.

Tuy nhiên, bà Th được tham gia tố tụng từ đầu, được kháng cáo bản án và thực hiện các quyền lợi của đương sự nên không cần thiết phải hủy bản án.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Quảng Ninh đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 2, Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên các nội dung đã tuyên của bản án sơ thẩm và bổ sung tư cách tham gia tố tụng của bà Th là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tuyên đình chỉ đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng giao khoán sử dụng đất lâm nghiệp, việc thụ lý giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn là ông Lý Xuân Tr, có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Th (vợ ông Tr) nhưng không đưa bà Th tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa đầy đủ, thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Tại cấp phúc thẩm bà Nguyễn Thị Th xác định mặc dù cấp sơ thẩm không đưa bà tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng bà được tham gia tố tụng để giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý, xét xử, quyền lợi của ông Tr cũng là quyền lợi của bà. Cấp phúc thẩm đã khắc phục thiếu sót này của cấp sơ thẩm.

Kháng cáo của nguyên đơn ông Lý Xuân Tr và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

- Nội dung thứ nhất: Phải trả cho gia đình ông diện tích 0,8 ha đất rừng nằm ở điểm Y.

Xét nguồn gốc đất tranh chấp: Năm 1993, ông Hồ A T được UBND huyện Ba Chẽ giao sử dụng 18,8 ha, năm 2001 UBND huyện Ba Chẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ A T sử dụng 18,8 ha. Năm 1998, Lâm trường B (nay là Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp B) giao cho ông Tr là công nhân Lâm trường trông coi rừng diện tích 10,1ha. Đến năm 2002, ông Tr được giao đất theo Nghị định số 01/CP ngày 04 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ ban hành bản Quy định về việc giao khoán đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước để trồng rừng với diện tích 9,1 ha. Phần đất UBND huyện Ba Chẽ giao cho ông Hồ A T tiếp giáp với phần đất của Lâm trường Ba Chẽ giao cho ông Tr. Tại biên bản làm việc ngày 06/5/2013 (Bút lục số 188), thành phần gồm đại diện Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp B, đại diện UBND xã N, đại diện các hộ gia đình ông Hồ A S và bà Nguyễn Thị Th đã xem xét tại thực địa và đối chiếu với bản đồ thì hộ ông Lý Xuân Tr trồng sang đất thuộc lô e1 và lô d1 của ông Hồ A T khoảng từ 0,8 đến 01 ha.

Ngày 20/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tiến hành xem xét,

thẩm định lại diện tích đất do Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp B giao cho ông Tr năm 2002 thì thấy: diện tích ông Tr đang quản lý sử dụng là 11,35 ha, trong đó có 1,42 ha nằm ở điểm Y lô h2, d2 - là diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Tr và ông Hồ A Nh. Theo sơ đồ thửa đất đo đạc bằng máy GPG do Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Ba Chẽ cung cấp kèm theo biên bản thẩm định thì diện tích đất bà Th trồng cây trên đất của ông Hồ A S quản lý là 1,68ha.

Theo công văn cung cấp thông tin số 497/UBND-TNMT ngày 15/5/2019 của UBND huyện Ba Chẽ thì: diện tích 1,68ha đang tranh chấp hoàn toàn nằm trong phần đất của ông Hồ A T (đất ông T được giao năm 1993 và được UBND huyện Ba Chẽ cấp GCNQSDĐ năm 2001), nay thuộc thửa đất số 134- tờ bản đồ số 02 của ông Hồ A Sám, không thuộc đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B. Từ đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này.

- Nội dung thứ hai: Phải trả lại cho ông số tiền 12.169.000đ, tại phiếu thu số 04 ngày 28/9/2015.

Nội dung này đã được sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh giải quyết tại báo cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo số 1693/BC-NN&PTNT ngày 09/6/2016. Hội đồng phúc thẩm thấy: Việc giao đất của Lâm trường cho ông Tr năm 2002 thực hiện theo Nghị định số 01/CP ngày 04 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ ban hành bản Quy định về việc giao khoán đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước. Năm 2010, Lâm trường chuyển đổi thành Công ty TNHH, Công ty phải trả tiền thuê đất cho UBND tỉnh Quảng Ninh, việc giao khoán của ông Tr phải thực hiện theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông Tr quốc doanh, lâm trường quốc doanh. Khoản 3 Điều 17 Nghị định 135/2005/NĐ-CP quy định: *“...3. Đối với diện tích đất đã thực hiện giao khoán cho bên nhận khoán thuộc đối tượng nhận khoán quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này nếu thực hiện đúng hợp đồng khoán, sử dụng đúng mục đích thì tiếp tục sử dụng đất theo hợp đồng đã ký và điều chỉnh nội dung hợp đồng...”*.

Căn cứ đơn xin khai thác rừng trồng của ông Lý Xuân Tr gửi Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B ngày 28/9/2015, thì ông Tr xin khai thác 2,83 ha keo trồng năm 2011, được Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B kiểm tra và có quyết định cho phép khai thác với khối lượng $50m^3 \times 2,83ha = 141,5m^3$. Tại Quyết định ngày 29/9/2015 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B đã yêu cầu rõ sau khi khai thác xong chủ hộ phải ký lại hợp đồng theo chu kỳ của Nghị định 135 của Chính phủ thì mới được tiếp tục xử lý thực bì trồng rừng. Bản thân bà Th cũng thừa nhận bà đã nhận được Thông báo của Công ty yêu cầu bà đến ký hợp đồng theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2015 về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông Tr quốc doanh, lâm trường quốc doanh nhưng gia đình bà không chấp hành.

Căn cứ khoản 4 Điều 20 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao, cho thuê, khoán rừng và đất lâm nghiệp để bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng, quy định: “*Nếu hộ gia đình, cá nhân tự bỏ vốn để trồng, chăm sóc, bảo vệ thì được hưởng 95% giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế, phần còn lại 5% nộp bên giao khoán*”.

Do đó, các khoản hộ ông Tr phải nộp:

- Nộp tiền thuế đất là: 3.662.271đ.

- Nộp sản phẩm nhận khoán quy ra tiền của diện tích 2,83ha khai thác 141.5 m³ gỗ là 6.084.500đ. (5% giá trị 141,5m³).

- Chi phí thiết kế, lập hồ sơ dự toán, thẩm định và chi phí quản lý, chi phí quản lý bảo vệ là: 2.422.229đ.

Tổng số tiền hộ ông Tr phải nộp là 12.169.000đ.

Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Th yêu cầu Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B phải trả lại toàn bộ số tiền trên.

- Nội dung thứ ba: yêu cầu Công ty Lâm nghiệp B trả lại 0,3 ha đất thuộc diện tích H3-K12-TK120 mà Công ty đã giao cho ông Hồ Nh sử dụng theo Quyết định số 14/QĐCT ngày 08/4/2015. Nội dung này đã được sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh giải quyết tại báo cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo số 1693/BC-NN&PTNT ngày 09/6/2016. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Th tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện này. Hội đồng phúc thẩm thấy: diện tích này nằm ngoài diện tích giao cho bà Th, phần đất này ông Hồ A Nh đã trả cho Công ty lâm nghiệp B và tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/4/2019 bà Th có quan điểm bà sẽ liên hệ với Lâm trường B để giải quyết.

Cấp sơ thẩm nhận định chấp nhận đình chỉ một phần nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả lại 0,3ha đã nêu, nhưng phần quyết định không ghi đình chỉ là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Do đó, cấp phúc thẩm cần sửa bản án, tuyên đình chỉ việc rút yêu cầu Công ty Lâm nghiệp B trả lại 0,3 ha đất thuộc diện tích H3-K12-TK120.

- Nội dung thứ tư: đối với diện tích đất 850 m² thuộc lô il, h3-K12-TK120.

Nội dung này đã được UBND huyện Ba Chẽ giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1439/QĐ-UB ngày 16/12/2004 của Chủ tịch UBND huyện Ba Chẽ và UBND tỉnh Quảng Ninh cũng đã trả lời tại công văn số 282/UBND-TD ngày 15/01/2007.

Tại cấp sơ thẩm, bà Th đã khai rõ, đối với diện tích đất nêu trên bà chỉ nêu trong đơn khởi kiện để yêu cầu Công ty lâm nghiệp B thực hiện theo đúng Công văn số 282/UBND-TD ngày 16/01/2007 của UBND tỉnh Quảng Ninh, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Th.

Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp B thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền hạn của bên giao khoán theo quy

định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ.

Các nội dung khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Yêu cầu của bà Th, ông Tr không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Xuân Tr và bà Nguyễn Thị Th; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, về việc tuyên đình chỉ;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 148, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ 501, 503, 505, 507 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 2, Điều 9, khoản 3 Điều 17 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Căn cứ khoản 4 Điều 20 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ vào Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Xuân Tr có người đại diện theo ủy quyền đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B trả lại: 0,8ha đất rừng thuộc diện tích của lô H2, D2 – K12 – TK120 theo thẩm định = 1,68ha.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Xuân Tr có người đại diện theo ủy quyền đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp B trả lại số tiền 12.169.000đ đã thu khi bán keo giấy (trừ tiền thuế đất) trong phiếu thu số 04 ngày 28/9/2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của ông Lý Xuân Tr và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th về việc trả lại 0,3 ha thuộc lô h3, k12, TK120 do ông Phan Tất H ký cho ông Hồ Nh sử dụng.

3- Không xem xét nội dung kháng cáo của ông Lý Xuân Tr và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Th về nội dung: yêu cầu lâm trường bàn giao 850m2 đất rừng tại Lô il, h3, K12, TK 120.

Kiến nghị Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp B thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền hạn của bên giao khoán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Lý Xuân Tr và bà Nguyễn Thị Th phải chịu

300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001213 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND huyện Ba Chẽ;
- VKSND huyện Ba Chẽ ;
- Chi cục THADS huyện Ba Chẽ;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng

